

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC VÀ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ QUY CHẾ BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH THAM GIA ĐẤU GIÁ. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHỈ MANG TÍNH THAM KHẢO.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2006, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

CHÀO BÁN CỔ PHẦN CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TẠP PHẨM RA CÔNG CHỨNG

TỔ CHỨC CHÀO BÁN:

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC



SCIC

Địa chỉ: Số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 046 278 0126 Fax: 046 278 0136

Website: www.scic.vn

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ:

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI



HANOI STOCK EXCHANGE
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 043 941 2626 Fax: 043 934 7818

Website: www.hnx.vn

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: 043 573 0073 Fax: 043 573 0088

Website: www.ivs.com.vn

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 07 năm 2010, cấp thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014)

**CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU TẠP PHẨM RA CÔNG CHÚNG**

Tên cổ phiếu:	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
Giá khởi điểm:	40.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán:	1.001.300 (Một triệu, không trăm lẻ một nghìn ba trăm) cổ phần
Tổng giá trị chào bán (Tính theo mệnh giá):	10.013.000.000 (Mười tỷ, không trăm mười ba triệu) đồng
Hình thức chào bán:	Đấu giá trọn lô cổ phần qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC**

Địa chỉ:	Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	(84) 4 3824 1990
Fax:	(84) 4 3825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

Địa chỉ:	Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội
Điện thoại:	(84) 4 3573 0073
Fax:	(84) 4 3573 0088

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	5
1.	Rủi ro về kinh tế:.....	6
2.	Rủi ro về pháp luật: Error! Bookmark not defined.	6
3.	Rủi ro đặc thù:.....	8
4.	Rủi ro của đợt chào bán:	9
5.	Rủi ro khác:.....	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	10
1.	Tổ chức sở hữu chứng khoán chào bán:.....	10
2.	Tổ chức tư vấn:	10
III.	CÁC TỪ VIẾT TẮT	10
IV.	GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU	12
V.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN	13
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:.....	13
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty:	14
3.	Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:	18
4.	Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:	19
5.	Hoạt động kinh doanh:.....	19
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2011 - năm 2013:	22
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:	25
8.	Chính sách đối với người lao động:	25
9.	Tình hình tài chính:	26
10.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo:.....	23
11.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán:.....	35
12.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:	35
13.	Tài sản.....
14.	Lý lịch Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:	36

VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	43
1. Loại cổ phiếu:.....	43
2. Mệnh giá:	43
3. Tổng số cổ phiếu dự chào bán:	43
4. Giá chào bán dự kiến:	43
5. Phương thức phân phối:	43
6. Thời gian phân phối cổ phiếu:	43
7. Đăng ký mua cổ phiếu:	43
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:	43
9. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:	43
10. Các loại thuế có liên quan:	43
11. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu:	
VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	45
VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN	45
IX. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY	46

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ về Ban hành Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 242/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ tài chính về Hướng dẫn thi hành một số điều của Quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác ban hành kèm theo Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/08/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 5/6/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc ban hành Quy chế mẫu thi điểm bán đấu giá cả lô cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước thực hiện tại Sở giao dịch chứng khoán.

Căn cứ Quyết định số 280/QĐ-ĐTKDV ngày 10/6/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc bán cổ phần của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm.

Căn cứ Công văn số 1571/ĐTKDV-QLVĐT4 ngày 10/6/2015 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về đấu giá phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm.

Căn cứ Hợp đồng Dịch vụ tư vấn và tổ chức bán đấu giá cổ phần số 1404/2014/IVS/HĐ-TV ngày 25/6/2014 giữa Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) với Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam (IVS) tư vấn bán đấu giá phần vốn của SCIC tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm;

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Rủi ro về kinh tế:

Rủi ro về kinh tế là một loại rủi ro hệ thống có tác động trực tiếp và gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, thông qua các cơ chế tác động đến tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất ngân hàng và tỷ giá hối đoái. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, việc xem xét các thay đổi trong cơ chế vận hành và khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung có ý nghĩa rất quan trọng giúp việc đánh giá và dự báo tình hình kinh doanh của công ty, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các tình huống ứng phó cho sự thay đổi bất lợi có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của công ty.

a) Tăng trưởng Kinh tế và lạm phát

Tăng trưởng kinh tế ổn định ở mức cao thường đồng nghĩa với kết quả kinh doanh lạc quan của các chủ thể tham gia nền kinh tế trong đó có hệ thống các doanh nghiệp, đồng nghĩa với việc các nguồn vốn đầu tư trực tiếp cũng như gián tiếp chảy vào thị trường. Bên cạnh đó, tăng trưởng kinh tế là nhân tố kích thích sự tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu. Cụ thể năm 2014, Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 150 tỷ USD, tăng 13,6% so với năm 2013 đồng thời vượt xa mục tiêu đề ra; tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 148 tỷ USD, tăng 12,1% so với năm 2013. Hoạt động nhập khẩu không những được gia tăng chậm hơn mà còn được kiểm soát, tập trung vào nhóm hàng vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất.

GDP năm 2014 ước tính tăng 5,98%, vượt mục tiêu tăng trưởng đề ra so với năm 2013 là 5,8% của Quốc hội và dự báo của nhiều tổ chức trong nước và quốc tế. Năm 2014 GDP phục hồi tích cực với tốc độ tăng dần qua các quý. Cụ thể GDP quý I tăng 5,06%; quý II tăng 5,34%; quý III tăng 6,07%; quý IV tăng mạnh 6,96%. Lạm phát năm 2014 là thấp nhất trong 13 năm kể từ năm 2001 khi chỉ tăng 1,84% so với cùng kỳ. Năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng bình quân mỗi tháng tăng khoảng 0,15%, CPI tăng mạnh nhất trong quý I và quý III và thấp nhất (âm) trong quý IV. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2015 ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,36%, đóng góp 0,42 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,09%, đóng góp 2,98 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 5,90%, đóng góp 2,22 điểm phần trăm.

Năm 2014 là một năm thành công của Việt Nam trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Cụ thể, tổng giá trị vốn FDI giải ngân trong năm 2014 đạt 12,4 tỷ USD, tăng 7,4% so với năm trước và cao hơn 2,9% so với kế hoạch. Tổng vốn FDI đăng ký đầu tư vào Việt Nam ước tính đạt 20,23 tỷ USD trong 2014, dù chỉ bằng 93,5% so với cùng kỳ năm 2013 nhưng cao hơn 19% so với kế hoạch (17 tỷ USD). Xét về những khía cạnh còn tồn tại, chúng ta thấy rằng cán cân thương mại thiếu sự ổn định. Việc tăng nguồn vốn FDI đã làm tăng hoạt động xuất khẩu, tuy nhiên điều này không hoàn toàn là tốt khi mà xuất khẩu trong nước bị phụ thuộc rất lớn vào xuất khẩu của FDI, tỷ trọng xuất khẩu của khu vực FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu của nước ta là rất lớn và không ngừng gia tăng (năm 2014: 67,7%; năm 2013: 61,4%; năm 2012: 63,1%). Trong khi đó nhập siêu khu vực trong nước đạt 15,1 tỷ USD, tăng 7,8% so với mức nhập siêu 14 tỷ USD năm 2013. Trong tháng 6/2015, vốn FDI đăng ký mới và cấp bổ sung là 1,19 tỷ USD, đưa tổng giá trị đăng ký mới và cấp bổ sung lên 5,49 tỷ USD kể từ đầu năm, tương đương với 80,2% cùng kỳ

năm 2014. Trong đó, vốn FDI đăng ký mới là 3,83 tỷ USD tính từ đầu năm 2015, tương đương 79% cùng kỳ 2014; vốn FDI cấp bổ sung là 1,65 tỷ USD trong 6 tháng đầu năm 2015, tương đương 83% cùng kỳ năm 2014.

Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam năm 2014 là ổn định và phát triển với tăng trưởng GDP vượt mức dự kiến, các chỉ số sản xuất và phát triển doanh nghiệp vững mạnh, lạm phát thấp, giải ngân FDI cao nhất trong vòng 5 năm.

Riêng với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm, việc tình hình kinh tế trong năm 2014 và các dự báo trong năm 2015 khả quan là một cơ hội rất lớn cho công ty.

b) Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố rất nhạy cảm đối với nền kinh tế, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, và đầu tư, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nói riêng.

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh thông thường, rủi ro lãi suất xảy ra khi lãi suất thị trường tăng, làm tăng chi phí hoạt động và giảm lợi nhuận của các doanh nghiệp. Riêng đối với hệ thống các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng, rủi ro lãi suất còn có thể xuất hiện ngay cả khi lãi suất thị trường tăng/giảm đột ngột ngoài dự tính. Đối với các Công ty xuất nhập khẩu lãi suất tác động gián tiếp thông qua tác động đến tỷ giá hối đoái và tác động trực tiếp khi tham gia thị trường với tư cách là một nhà đầu tư chứng khoán, khi lãi suất tăng sẽ bị rủi ro vì giá cổ phần sụt giảm do tác động kép từ hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp giảm và dòng vốn vào thị trường chứng khoán giảm sút.

Xu hướng chủ chốt của lãi suất trong năm 2014 là giảm dần về cuối năm. Tựu chung, mặt bằng lãi suất giảm 1,5-2%/ năm so với cuối năm 2013, phù hợp với mục tiêu mà NHNN đề ra đầu năm, qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì được mục tiêu kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô. Đây đồng thời là điểm sáng trong điều hành chính sách trung và dài hạn của NHNN bởi kết quả trên nối tiếp chuỗi ổn định và giảm về lãi suất trong 3 năm liên tiếp, qua đó củng cố niềm tin đồng thời khuyến khích đầu tư phát triển kinh tế. Mặt bằng lãi suất cho vay trong tháng 6 đầu năm 2015 nhìn chung khá ổn định, không có nhiều thay đổi so với tháng trước. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 7- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3 -11%/năm đối với trung và dài hạn. Đối với các lĩnh vực ưu tiên, mặt bằng lãi suất phổ biến ở mức 6-7%/năm đối với ngắn hạn và 9-10%/năm cho trung và dài hạn. Lãi suất cho vay USD không đổi, ở mức quanh 3 – 5,5% trong ngắn hạn và 5,5 – 6,7% trung và dài hạn.

c) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Hoạt động kinh doanh của các công ty xuất nhập khẩu nói chung và công ty cổ phần xuất nhập khẩu nói riêng chịu sự tác động trực tiếp từ việc biến động tỷ giá. Khi tỷ giá hối đoái biến động nó sẽ tác động đến kim ngạch xuất nhập khẩu, đến cơ cấu hàng hóa nhập khẩu và tính cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu.

Tỷ giá hối đoái tác động đáng kể đến nền kinh tế và thị trường chứng khoán thông qua việc tác động tới các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, cán cân thanh toán và sự di chuyển của các nguồn

vốn đầu tư. Theo cơ chế quản lý hiện tại, tỷ giá phản ánh quan hệ cung cầu giữa các đơn vị tiền tệ khác nhau và đặt dưới sự quản lý, điều tiết của Nhà nước.

Sự ổn định của thị trường ngoại hối trong năm 2014 tiếp tục là một trong những điểm sáng trong chính sách điều hành của NHNN. Về cơ bản, biên độ dao động của tỷ giá USD/VND trong 2014 và 6 tháng đầu năm 2015 được co hẹp và duy trì ổn định hơn rất nhiều, nhu cầu ngoại tệ của nền kinh tế được đáp ứng đầy đủ, kịp thời. Nhìn rộng hơn, cam kết về việc bình ổn thị trường ngoại hối trong suốt 3 năm nay được hiện thực hóa theo sát với lộ trình mà Thống đốc đưa ra. Niềm tin vào VND theo đó được củng cố, hạ tỷ lệ đô la hóa nền kinh tế (từ 12,4% cuối 2013 xuống 11,6% cuối 2014), giúp Việt Nam trở nên hấp dẫn hơn trong mắt nhà đầu tư quốc tế, đồng thời tạo điều kiện gia tăng dự trữ ngoại hối. Tuy nhiên việc Đồng USD mạnh lên do kinh tế Mỹ phục hồi có thể gây sức ép lên tỷ giá.

2. **Rủi ro về pháp luật:**

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm phải chịu sự chi phối của pháp luật và các chính sách của Nhà nước, cụ thể:

- Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.
- Các văn bản Pháp luật cũng như chính sách liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng có tác động trực tiếp đến hoạt động cũng như chiến lược phát triển của Công ty.

Các văn bản trên đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với thực tiễn và các thông lệ quốc tế, theo đó mọi sự thay đổi các quy định Pháp luật trên sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

3. **Rủi ro đặc thù:**

Rủi ro biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu:

Thị trường luôn có biến động lớn, nguồn hàng khan hiếm, giá mua các nguyên liệu nhập khẩu biến động thất thường. Do vậy, việc dự báo sự biến động giá nguồn nguyên vật liệu đầu vào, từ đó có kế hoạch dự trữ nguyên liệu đóng vai trò rất quan trọng, giúp giảm bớt rủi ro cho Công ty khi có thay đổi về giá cả các mặt hàng. Đây được nhận thấy là một trong những rủi ro có ảnh hưởng lớn tới Công ty do công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu.

Rủi ro tín dụng:

Khi một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình dẫn tới tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Vì Công ty là loại hình doanh nghiệp thương mại nên luôn cần nguồn vốn lưu động rất lớn. Để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh diễn ra bình thường, Công ty phải tiến hành vay vốn

rất nhiều từ các tổ chức tín dụng và đối tác. Ngoài ra Công ty cũng phải cho các công ty mua hàng mua chịu hoặc trả chậm để hàng tồn không bị trữ quá lâu trong kho. Những lý do này dẫn tới rủi ro về tín dụng của Công ty là rất cao.

4. Rủi ro của đợt chào bán:

Công ty chào bán cổ phần trong giai đoạn thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi; Rủi ro từ đợt chào bán là số cổ phần chào bán có thể không được đăng ký mua hết.

Tuy nhiên, nếu nhà đầu tư có xu hướng đầu tư dài hạn, nghiên cứu sâu về hoạt động kinh doanh của Công ty thì sẽ có nhận định hợp lý về giá trị cổ phiếu của Công ty.

5. Rủi ro khác:

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra, chúng có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người, công trình thi công và tình hình hoạt động chung của Công ty.

III. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức sở hữu chứng khoán chào bán: Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước

Ông Nguyễn Hồng Hiền

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Quyết định số: 589/QĐ-ĐTKDV ngày 24/11/2014 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước về việc phân công công tác và phân cấp quyết định của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực, đầy đủ dựa trên cơ sở các thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm cung cấp. Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức có cổ phiếu được chào bán: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm

Ông Cao Văn Thủy

Chức vụ: Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu cung cấp cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước và Công ty cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam là chính xác, trung thực và đầy đủ. Chúng tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của những thông tin và số liệu này.

3. Tổ chức tư vấn:

Ông Đoàn Ngọc Hoàn

Chức vụ: Tổng Giám đốc (Người đại diện theo pháp luật của Công ty)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm cung cấp.

Bản công bố thông tin này chỉ mang giá trị tham khảo, nhà đầu tư tham gia mua cổ phần có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình, Tổ chức tư vấn (IVS) và cổ đông bán vốn (SCIC) không có trách nhiệm nếu thông tin và tài liệu do Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm cung cấp không trung thực với thực tế hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm.

IV. CÁC TỪ VIẾT TẮT

Công ty : Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm

CTCP : Công ty cổ phần

HDQT	: Hội đồng quản trị
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
Tổ chức bán đấu giá	: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
SCIC	: Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
UBND	: Ủy ban Nhân dân

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

V. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÀO BÁN CỔ PHIẾU

1. Giới thiệu về tổ chức thực hiện chào bán cổ phiếu:

- Tên tổ chức đăng ký chào bán: **TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC.**
- Tên giao dịch: **STATE CAPITAL INVESTMENT CORPORATION (SCIC).**
- Vốn điều lệ: 19.000.000.000.000 (Mười chín nghìn tỷ đồng).
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 23 tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4)3 824 0703 Fax: (84-4)6 278 0136
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101992921 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 30 tháng 09 năm 2014.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và quản lý vốn đầu tư vào các lĩnh vực theo nhiệm vụ do Thủ tướng Chính phủ giao; Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ; Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh vốn.
- Sản phẩm, dịch vụ chính: Đầu tư và kinh doanh vốn vào các ngành, lĩnh vực đem lại hiệu quả kinh tế cao; Cung cấp các dịch vụ tư vấn: đầu tư, tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ khác theo quy định của pháp luật.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC) được thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Với chức năng quản lý, đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, sự ra đời của SCIC nằm trong tiến trình cải cách kinh tế nói chung và cải cách doanh nghiệp nhà nước nói riêng nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhà nước. SCIC là đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp, thực hiện đầu tư vào các ngành, lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế nhằm tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trên cơ sở tôn trọng những nguyên tắc thị trường.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 08 năm 2006, SCIC quản lý danh mục đầu tư gồm các doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế như: dịch vụ tài chính, năng lượng, công nghiệp, viễn thông, xây dựng, vận tải, hàng tiêu dùng, y tế, công nghệ thông tin.

SCIC được Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển sang mô hình Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 992/QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Ngày 01/11/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

3. **Mối quan hệ với Công ty có cổ phiếu được chào bán:** Cổ đông lớn.
4. **Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu chào bán/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành:** 29,45%.
5. **Tỷ lệ cổ phiếu chào bán/cổ phiếu đang sở hữu:** 100%.

VI. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Xuất nhập khẩu Tạp phẩm ban đầu với tên gọi là Tổng Công ty Xuất nhập khẩu tạp phẩm là một trong những công ty XNK chuyên nghiệp trực thuộc Bộ Thương Mại với bề dày lịch sử buôn bán lâu năm nhất ở Việt Nam. Quá trình hình thành và phát triển được tóm tắt qua các cột mốc tiêu biểu sau:

- 03/1956: Thành lập với tên gọi Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tạp phẩm
- 03/1993: Đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Tạp phẩm
- 06/2006: Bắt đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 34 tỷ đồng

Công ty có 02 chi nhánh tại Đồng Tháp và Hải Phòng.

1.2. Giới thiệu về Công ty:

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TẠP PHẨM
- Tên nước ngoài: VIETNAM NATIONAL SUNDRIES IMPORT AND EXPORT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: TOCONTAP HANOI
- Trụ sở chính: Số 36 phố Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 38254191/ (04) 38254795 Fax: (04) 38255917
- Website: <http://www.tocontap-hanoi.vnn.vn>
- Vốn điều lệ: 34.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 18/08/2014, ngành nghề kinh doanh Công ty bao gồm:

- +/ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- +/ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- +/ Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;
- +/ Kinh doanh bất động sản;
- +/ Kinh doanh các thiết bị phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ, cứu nạn;

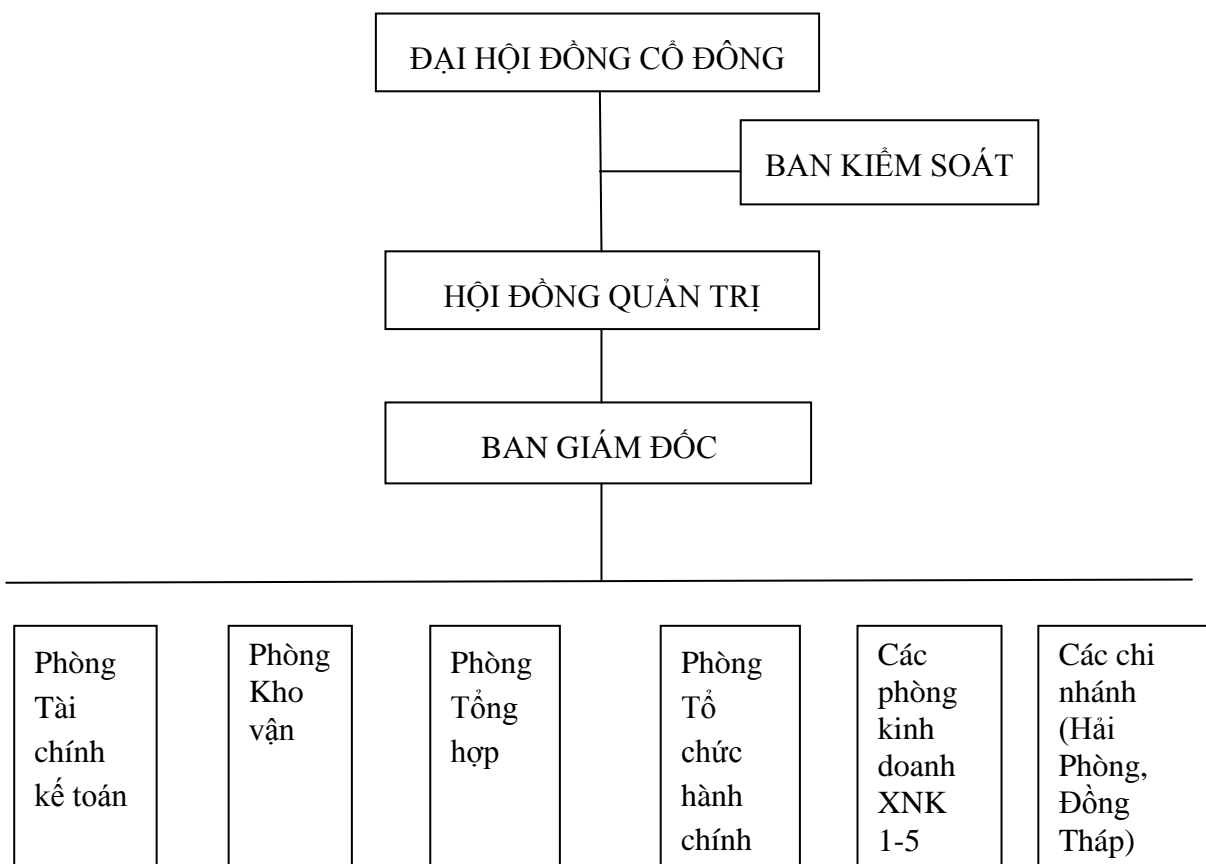
- +/ Kinh doanh các dụng cụ, thiết bị và máy móc trong ngành dịch vụ;
- +/ Kinh doanh phân bón, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp;
- +/ Kinh doanh máy móc, vật tư, trang thiết bị y tế, máy móc, thiết bị ngành in;
- +/ Kinh doanh đồ uống, rượu bia, nước giải khát;
- +/ Kinh doanh hàng nông sản, lâm sản, hải sản, thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, tạp phẩm, công nghệ phẩm, sản phẩm dệt, may, da giày.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

2.1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý:

Hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm có cơ cấu tổ chức bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban chức năng phục vụ hoạt động của Công ty.

Dưới đây là sơ đồ cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty:



(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

2.2. *Diễn giải sơ đồ:*

2.2.1. *Đại hội đồng cổ đông:*

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu đều được tham dự, được tổ chức mỗi năm ít nhất một lần trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể họp ĐHĐCĐ bất thường.

Đại hội đồng cổ đông có quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2.2.2. *Hội đồng quản trị:*

HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và quyết định mức lương của họ
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có)
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

2.2.3. *Ban kiểm soát:*

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cho cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên. Theo quy định tại điều lệ Công ty, thành viên Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có trình độ chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát phải là cổ đông trong Công ty.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ như sau:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng quản lý, điều hành hoạt

động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

- Thẩm định báo cáo: Báo cáo tình hình kinh doanh; Báo cáo tài chính hàng năm, hàng quý và 6 tháng của Công ty trước khi báo cáo lên HĐQT, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu trên 5% cổ phần.
- Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận kiến nghị lên ĐHĐCĐ.
- Báo cáo ĐHĐCĐ về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiến nghị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT chấp thuận.
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Ban Quản lý.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ.

2.2.4. Ban Giám đốc Công ty:

Tổng Giám đốc là người đại diện hợp pháp của Công ty trước cơ quan Nhà nước và pháp luật. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ
- Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

thông qua

- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

2.2.5. Các phòng, ban và đơn vị kinh doanh:

Các phòng, ban quản lý thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc được hiệu quả. Công ty có các phòng, ban sau:

- | | |
|--------------------------|-----------------------------------|
| - Phòng Xuất nhập khẩu 1 | - Phòng Tài chính kế toán |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 2 | - Phòng Kho vận |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 3 | - Phòng Tổng hợp |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 5 | - Phòng Tổ chức hành chính |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 6 | - Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 7 | - Chi nhánh Công ty tại Đồng Tháp |
| - Phòng Xuất nhập khẩu 8 | |

3. Cơ cấu cổ đông, danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:**3.1. Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 30/06/2015:**

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (Người)	Số cổ phần nắm giữ (Cp)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp (%)
I	Trong nước	93	3.400.000	34.000.000.000	100%
1	Tổ chức	1	1.001.300	10.013.000.000	29,45%
2	Cá nhân	92	2.398.700	23.987.000.000	70,55%
a	Cổ đông trong Công ty	28	885.300	8.853.000.000	26,04%
b	Cổ đông ngoài Công ty	64	1.513.400	15.134.000.000	44,51%
II	Nước ngoài	0	0	0	0%
1	Tổ chức	0	0	0	0%
2	Cá nhân	0	0	0	0%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
	Tổng cộng	93	3.400.000	34.000.000.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Công ty là Công ty Đại chúng từ năm 2006 nhưng đến năm 2014 chỉ còn 93 cổ đông, tuy nhiên Công ty chưa thực hiện báo cáo Ủy ban chứng khoán. Vì vậy, trên Danh sách công ty đại chúng của Ủy ban chứng khoán vẫn có tên Công ty.

3.2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tính đến ngày 30/06/2015:

Danh sách cổ đông nắm giữ hơn 5% cổ phần

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà	117 Trần Duy Hưng, Hà Nội	1.001.300	29,45%
2	Lê Thị Ngọc Diệp	195 Vườn Lài, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, TP HCM	765.000	22,50%
3	Ông Trương Hồng Hải	35 Cửu Long, Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh	209.000	6,15%
4	Ông Cao Văn Thủy	B3-C03-ĐN3-Khu nhà ở 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	203.500	5,99%
5	Ông Trần Như Sơn	Phòng 2306 nhà C2 Chung Cư Hoàng Anh Gia Lai, số 37 Nguyễn Văn Hường, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	176.700	5,20%
Tổng cộng			2.355.500	69,28%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

4. Danh sách những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty mà nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

4.1. Danh sách những Công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

4.2. Danh sách những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty: Không có.

5. Hoạt động kinh doanh:

5.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty:

Mảng kinh doanh dịch vụ:

Công ty có doanh thu dịch vụ từ hoạt động cho thuê nhà bao gồm cho thuê nhà số 129 Cô Bắc, nhà số 36 Bà Triệu và nhà số 29 Hai Bà Trưng (Xem bảng tài sản của Công ty). Tuy nhiên đến năm 2014 Công ty đã bán nhà số 29 Hai Bà Trưng.

Các mặt hàng kinh doanh của Công ty:

Doanh thu chính của công ty đem lại từ việc nhập khẩu dầu ăn thô về và gia công đóng nhãn hiệu WELLCOOK để bán cho thị trường Campuchia. Doanh thu này chiếm tỷ trọng khá lớn trong cơ cấu doanh thu của công ty với 24,4% vào năm 2012, 21,1% vào năm 2013 và 22,4% vào năm 2014. Ngoài ra khoản mục nhập khẩu thức ăn gia súc chiếm 32% trong năm 2012, 28,4% trong năm 2013 và 8,4% trong năm 2014 cũng là khoản mục chính đem lại doanh thu cho công ty. Các mặt hàng kinh doanh khác bao gồm máy móc thiết bị, hạt

nhựa, hàng tiêu dùng nguyên vật liệu,... đều chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu.

Đơn vị: đồng

Hoạt động kinh doanh	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng	Doanh thu	Tỷ trọng
Nhập khẩu dầu ăn	755,174,650,094	24.4%	384,392,201,260	21.1%	119,216,875,154	22.4%
Nhập khẩu thức ăn gia súc	990,707,573,181	32.0%	517,181,536,099	28.4%	44,875,900,662	8.4%
Hàng hóa khác	1,343,403,808,141	43.5%	916,834,801,716	50.4%	366,661,819,413	68.8%
Dịch vụ	1,887,537,635	0.1%	1,978,588,812	0.1%	2,181,237,591	0.4%
Tổng cộng	3,091,173,569,051	100%	1,820,387,127,887	100%	532,935,832,820	100%

5.2. Nguyên vật liệu

Vì Công ty là doanh nghiệp thương mại xuất nhập khẩu nên chủ yếu hàng hóa là các mặt hàng nhập khẩu. Về mặt hàng dầu ăn, Công ty không gia công dầu ăn mà chỉ nhập khẩu dầu ăn chưa sơ chế, chưa đóng gói để bán cho các đơn vị khác để đơn vị khác tự gia công. Về các mặt hàng khác, Công ty nhập khẩu trực tiếp từ các hãng sản xuất hoặc tại các thị trường mà nguồn cung dồi dào theo đúng các tiêu chuẩn của từng hợp đồng như dầu ăn, thiết bị y tế, sữa bột, thức ăn chăn nuôi,... từ các thị trường như Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản,... Tùy tình hình từng năm hoặc từng giai đoạn, Công ty sẽ tính toán mặt hàng nào có lãi để nhập về.

Ảnh hưởng của giá cả hàng hóa nhập khẩu tới doanh thu, lợi nhuận:

Do giá vốn hàng bán bao gồm các mặt hàng kinh doanh nhập khẩu về chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí nên giá cả hàng hóa nhập khẩu là yếu tố mang tính quyết định đối với doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Nếu giá bán sản phẩm cố định thì sự biến động tăng, giảm giá các mặt hàng nhập khẩu sẽ tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Về mặt hàng dầu ăn WELLCOOK công ty tự nhập về và xuất sang Campuchia, do giá vốn hàng bán khá lớn, chi phí gia công chiếm một tỷ trọng không nhỏ nên lợi nhuận thu về rất thấp, không đáng kể.

5.3. Chi phí sản xuất kinh doanh:

Cơ cấu chi phí của Công ty:

Cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần

Đơn vị: đồng

Chi phí	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
GVHB	2,941,906,615,878	95.21	1,724,318,935,986	94.72	511,667,162,397	96.01
Chi phí TC	101,278,768,040	3.28	83,140,642,882	4.57	33,009,933,247	6.19
Lãi vay	95,843,473,773	3.10	81,619,370,340	4.48	32,743,272,223	6.14
Chi phí BH	14,142,687,858	0.46	8,182,739,751	0.45	5,832,350,070	1.09
Chi phí QLDN	15,463,579,092	0.50	5,085,120,872	0.28	7,561,762,751	1.42
Tổng cộng	3,072,791,650,868	99.45	1,820,727,439,491	100.02	558,071,208,465	104.72

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty, luôn chiếm hơn 94% so với doanh thu thuần trong ba năm từ 2012 đến 2014. Nhìn vào tổng thể cơ cấu chi phí cho thấy tỷ trọng các chi phí được giữ ổn định hàng năm, tuy nhiên có sự gia tăng mạnh của tỷ trọng Chi phí tài chính trong cơ cấu chi phí của Công ty. Chi phí tài chính mà chủ yếu là Chi phí lãi vay cao do Công ty hoạt động chủ yếu dựa vào nguồn tiền đi vay. Trong năm 2014 Chi phí lãi vay giảm nhiều so với hai năm trước đó do Công ty đã không vay được Ngân hàng. Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm 2014 đã giảm khá nhiều so với năm 2012 và năm 2013 do doanh thu năm 2014 giảm nhiều so với hai năm trước đó.

5.4. Hoạt động Marketing:

Công ty có bộ phận nghiên cứu thị trường xuất khẩu, đã mở rộng các mặt hàng mới với các sản phẩm và thị trường mới ngoài các thị trường truyền thống như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore,.. Các thị trường mới như Mỹ, Archentina, Braxin,.. đã góp phần đem lại doanh thu cho công ty. Đặc biệt công ty còn trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên xuất khẩu được mặt hàng thủ công mỹ nghệ sang Mỹ.

5.5. Nhãn hiệu thương mại:

Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 185220 của Bộ Khoa Học và Công Nghệ - Cục sở hữu Trí Tuệ cấp phép theo quyết định số 25542/QĐ-SHTT ngày 18/05/2012 với hiệu lực 10 năm kể từ ngày nộp đơn (03/12/2010).

Nhãn hiệu sản phẩm của Công ty:

**6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2012 - năm 2014:**

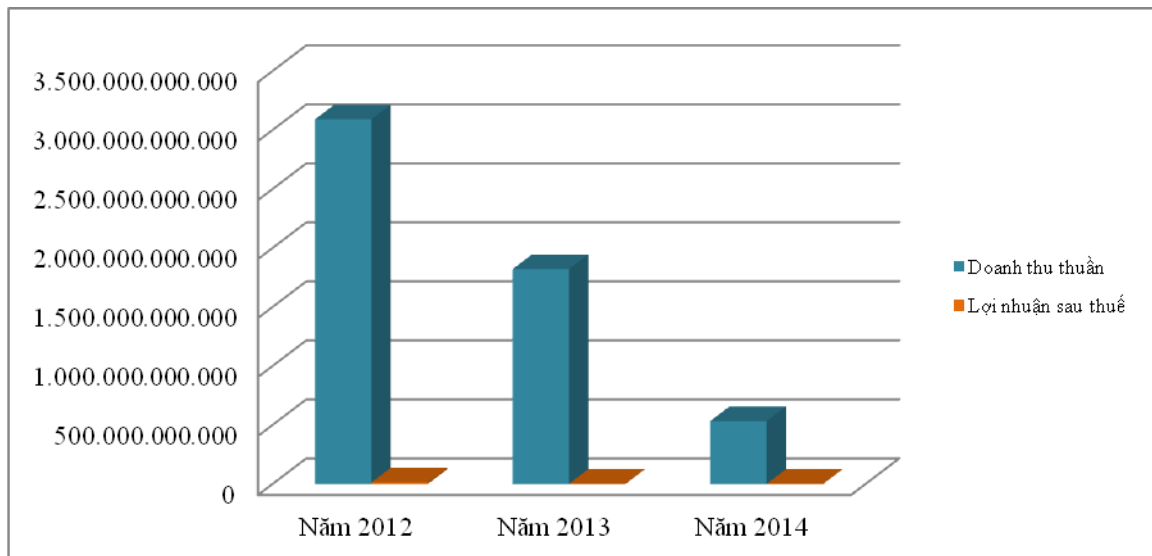
Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Tăng giảm các chỉ tiêu của năm 2014 so với năm 2013 (%)
Tổng tài sản	933.354.370.312	851.819.629.641	935.536.879.154	9,83%
Doanh thu thuần	3.089.819.023.597	1.820.387.127.887	532.935.832.820	-70,72%
Lợi nhuận từ HĐKD	20.100.792.755	2.564.841.869	(23.718.725.651)	-1024,76%
Lợi nhuận trước thuế	18.180.652.222	2.441.452.550	1.551.514.437	-36,45%
Lợi nhuận sau thuế	12.644.208.902	1.512.188.730	1.199.731.261	-20,66%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - CTCP Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm mạnh, cụ thể doanh thu thuần chỉ đạt 1.820 tỷ đồng năm 2013 (tương ứng giảm 41% so với năm 2012) và 533 tỷ đồng năm 2014 (tương ứng giảm 70,72% so với năm 2013). Lý do giảm mạnh của Doanh thu thuần đến từ việc Công ty đã không vay được vốn Ngân hàng để hoạt động trong năm 2014. Việc giảm mạnh của Doanh thu thuần đã kéo theo toàn bộ các khoản mục lợi nhuận trong Báo cáo kết

quả kinh doanh của Công ty cũng giảm mạnh, đặc biệt năm 2014 lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh âm 23,7 tỷ đồng, chi phí hoạt động tài chính mà chủ yếu là Chi phí lãi vay quá cao, vượt quá cả Lợi nhuận gộp. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế vẫn giữ kết quả dương do phần Lợi nhuận khác đủ bù đắp. Khoản Lợi nhuận khác này đến từ lợi nhuận chuyển nhượng nhà 29 Hai Bà Trưng, Hà Nội, đạt 25,270 tỷ đồng.



(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Báo cáo tài chính thời điểm 31/12/2012 và 31/12/2013 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm là báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Báo cáo 31/12/2014 của công ty chưa được kiểm toán. Theo đó, tại thời điểm 31/12/2013, trong mục Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ có ghi rõ:

“- Tại thời điểm 31/12/2013, các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa có đối chiếu xác nhận đầy đủ.

- Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo chính sách kế toán tại thuyết minh số 2.6. Trong thuyết minh 2.6 có trình bày dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng tài khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Ban Giám đốc đánh giá mức độ tổn thất và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/12/2013 là 9.479.606.153 đồng trên tổng số nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán là 130.604.234.458 đồng.

- Do giới hạn phạm vi kiểm toán, chúng tôi không thực hiện kiểm toán đối với số liệu tại Chi nhánh Đồng Tháp trong năm 2013 nên chúng tôi không đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Chi nhánh Đồng Tháp trong vai trò là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty. Tổng tài sản của Chi nhánh Đồng Tháp tại ngày 31/12/2013 là 103.931.281.658 đồng và kết quả kinh doanh năm 2013 lỗ 92.718.157 đồng.”

Theo số liệu đến 31/12/2014, hiện công ty còn nợ SCIC tổng số tiền 9.441.175.761 đồng (gồm 3.404.420.000 đồng cổ tức các năm 2011,2012 và lãi chậm trả Quỹ hỗ trợ sắp xếp và

phát triển doanh nghiệp số tiền 6.036.755.761 đồng).

7. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo:

Thuận lợi:

- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm có bề dày hoạt động trên thị trường. Những chính sách khuyến khích của Nhà nước trong lĩnh vực thương mại và việc Việt Nam hội nhập với kinh tế thế giới khi gia nhập WTO mang lại nhiều cơ hội lớn và những khu vực thị trường tiềm năng trên thế giới cho Công ty. Tỷ giá ổn định cũng là một trong những yếu tố thuận lợi cho việc xuất nhập khẩu hàng hóa của Công ty trong năm 2014 và nửa đầu năm 2015.
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên dồi dào và năng lực trình độ cũng như kinh nghiệm ngày càng cao. Bên cạnh đó, sự nhiệt tình trong công việc và ý thức vươn lên học hỏi là một động lực mạnh mẽ giúp công ty ngày càng phát triển, nhất là trong giai đoạn khó khăn hiện nay.
- Công ty được trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật đảm bảo cho việc đáp ứng nhu cầu về thu mua hàng và vận chuyển như nhà kho, phương tiện vận chuyển, máy móc, thông tin liên lạc hiện đại... tạo điều kiện cho bộ phận kinh doanh của Công ty hoạt động một cách linh hoạt, chính xác, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, tiết kiệm chi phí, thời gian và nâng cao được lợi nhuận của Công ty.

Khó khăn:

- Giá cả của hầu hết các loại vật tư, nguyên liệu, máy móc, thiết bị, hàng tiêu dùng mà Công ty kinh doanh trong năm 2013 và trong năm 2014 đều biến động. Giá cả hàng hóa xuất nhập khẩu tăng cao như vậy dẫn tới cùng một lượng hàng nhập khẩu như năm trước nhưng Công ty phải bỏ ra một lượng vốn cao hơn hẳn. Các đối tác trong nước của Công ty cũng gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ hàng hoá do giá thành hàng nhập khẩu tăng cao, dẫn tới nợ phải thu của Công ty tăng cao và khó thu hồi.
- Công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu và phụ thuộc hầu như hoàn toàn vào vốn vay Ngân hàng, do không vay được ngân hàng nên Công ty không thể tiến hành kinh doanh thương mại như bình thường được. Từ năm 2012 tình hình kinh tế xấu đi, nhiều khách hàng của Công ty gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh hoặc mất khả năng trả nợ, các khoản nợ với Công ty trở thành nợ quá hạn, khó đòi. Đồng thời, Công ty lại vay nợ Ngân hàng để nhập hàng hóa bán cho khách hàng. Việc không được khách hàng thanh toán kịp thời đã khiến cho Công ty không thể trả nợ ngân hàng đúng hạn, dẫn tới Ngân hàng hạn chế hoặc không tiếp tục cho Công ty vay nữa để kinh doanh. Trong năm 2013, hạn mức tín dụng cho Công ty từ các Ngân hàng đã giảm 45% so với năm 2012. Đặc biệt từ cuối năm 2013 và đầu năm 2014 đến nay Công ty không vay thêm được từ Ngân hàng nên hầu như hoạt động kinh doanh đều cầm chừng, trong khi đó Công ty phải chịu lãi vay, lãi phạt Ngân hàng của các khoản nợ cũ, dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty bị thua lỗ. Nhìn chung, khó khăn lớn nhất Công ty phải đối mặt lúc này là khoản phải thu

lớn, nợ khó đòi nhiều và không vay vốn được Ngân hàng để kinh doanh.

- Lãi suất cho vay của các ngân hàng vẫn còn ở mức cao. Tuy nhiều ngân hàng có chính sách ưu đãi giảm lãi vay và đầu năm 2014 tình trạng thừa vốn ở Ngân hàng dẫn đến việc giảm lãi suất cho vay nhưng lĩnh vực kinh doanh của Công ty là lĩnh vực thương mại và tài sản đảm bảo ít nên không được áp dụng các chính sách này. Vì vậy lãi suất vay vốn của Công ty vẫn còn cao, trung bình khoảng 12-14%/năm. Lãi suất cao đẩy giá hàng tăng cao thêm dẫn đến việc tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của Công ty và các khách hàng của Công ty.
- Thị trường bất động sản trong nước nhìn chung vẫn đóng băng làm cho một số mặt hàng kinh doanh của Công ty có liên quan đến lĩnh vực xây dựng như sắt thép, inox, máy xây dựng, dụng cụ điện cầm tay... giảm sút và ứ đọng kéo dài, chậm thanh toán.
- Các chính sách về quản lý xuất nhập khẩu, đặc biệt là chính sách quản lý của các bộ chuyên ngành, các chính sách về thuế, hải quan, kiểm tra chất lượng nhà nước, cấp phép nhập khẩu còn chưa minh bạch, rõ ràng làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty còn nhiều bị động, khó khăn, phát sinh thêm nhiều chi phí. Theo quy định về kiểm tra, công bố chất lượng thì nhìn chung hàng hóa mất 1 tháng mới được nhận ra khỏi cảng và 2-3 tháng vẫn chưa được phép bán hàng nên Công ty bị ứ đọng vốn.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành:

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Với 58 năm hoạt động, có thể nói Công ty có bề dày lịch sử buôn bán thương mại lâu năm nhất ở Việt Nam. Công ty đã thiết lập được mối quan hệ buôn bán với trên 70 nước trong khu vực và trên thế giới. Hoạt động của công ty không chỉ giới hạn trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuần túy mà còn mở rộng ra nhiều lĩnh vực như tiếp nhận gia công lắp ráp, sản xuất theo mẫu mã kiểu dáng của khách hàng, đổi hàng, hợp tác đầu tư xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, hợp danh, đại lý xuất khẩu...

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

Đối tượng khách hàng chính của công ty là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu vốn hoặc gặp khó khăn trong vay ngân hàng để nhập khẩu hàng hóa, nguyên vật liệu. Các công ty này tận dụng lợi thế về vốn và kinh nghiệm của các công ty xuất nhập khẩu để nhập hàng về. Trong điều kiện khó khăn về vốn và thắt chặt điều kiện vay ngân hàng hiện nay, đối tượng khách hàng này ngày một gia tăng.

Tuy nhiên hoạt động của Công ty phụ thuộc phần lớn vào vốn vay Ngân hàng. Thời điểm hiện tại Công ty không vay được Ngân hàng nên không có khả năng và triển vọng tăng trưởng. Nếu có nguồn vốn tốt để huy động trong thời gian tới để kinh doanh và trả nợ Ngân hàng, Công ty có thể sẽ tận dụng được những lợi thế của ngành để phát triển.

9. Chính sách đối với người lao động:

9.1. Cơ cấu lao động:

Cơ cấu lao động của Công ty
(Tính đến thời điểm 31/12/2014)

TT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ lao động		
	Trên Đại học và Đại học	54	76,1%
	Cao đẳng và trung cấp	10	14,1%
	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	7	9,9%
2	Phân theo đối tượng lao động		
	Lao động trực tiếp	45	63,4%
	Lao động gián tiếp	26	36,6%
	Tổng cộng	71	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

9.2. Chính sách đối với người lao động:

Chính sách đối với người lao động được quy định trong Thỏa ước lao động tập thể của Công ty như: Hợp đồng lao động, quyền lợi của người lao động, việc làm và đảm bảo việc làm, quyền hạn và trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc, quy định chế độ đào tạo, chính sách lương, thưởng, kỷ luật...

Thỏa ước lao động tập thể định kỳ được xây dựng mới và hàng năm có bổ sung.

10. Tình hình tài chính:

10.1. Báo cáo về Vốn điều lệ:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 06 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 18 tháng 08 năm 2014, Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm là 34.000.000.000 đồng (Ba mươi tư tỷ đồng), tương ứng với 3.400.000 cổ phần.

10.2. Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được áp dụng theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được Công ty ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15-50 năm
- Máy móc thiết bị	05-08 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	05 năm

Trong kỳ Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước

đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn/ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 03 năm.

10.3. Mức thu nhập bình quân:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Năm	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Thu nhập bình quân	6.782.145	5.533.405	5.533.405

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

10.4. Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Tính đến 31/12/2014, các khoản nợ quá hạn chưa thanh toán của Công ty gồm :

- Nợ Ngân hàng 335.775.896.837 đồng
- Nợ vay cán bộ công nhân viên : 106.030.542.082 đồng
- Nợ thuế Cục Thuế Hà Nội : 46.641.863.065 đồng
- Nợ phạt thuế : 1.952.468.265 đồng
- Nợ bảo hiểm xã hội : 1.440.281.626 đồng
- Nợ cổ tức các cổ đông : 5.466.488.750 đồng

Lý do chủ yếu là do hàng hóa bán cho một số khách hàng của Công ty chưa được thanh toán đúng hạn, một số khoản nợ trở thành các khoản nợ quá hạn khó đòi.

10.5. Các khoản phải nộp theo luật định:

Công ty không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt theo các quy định của Nhà nước.

Số dư Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	27.564.116.171	16.187.998.268	26.974.273.432
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	56.305.375
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.792.257.679	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	3.411.724.799	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.144.313.879	13.570.446.227	13.920.879.403
Thuế thu nhập cá nhân	353.841.765	623.470.443	935.808.066
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.479.679.560	4.791.252.824
Các loại thuế khác	-	-	1.312.112
Tổng cộng	42.266.254.293	31.861.594.498	46.679.831.212

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty luôn ở mức cao, đặc biệt là khoản Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, do công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại xuất nhập khẩu nên phải chịu thuế cao. Công ty nợ tiền Thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian dài cho nên dù khoản Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hàng năm không lớn nhưng số dư Thuế thu nhập doanh nghiệp vẫn cao. Ngoài ra Thuế và các khoản phải nộp cho năm hiện hành được xác định bằng số tiền dự kiến nộp cho cơ quan Thuế dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm và sẽ được Công ty thực hiện nộp trong năm tiếp theo của kỳ tính thuế.

10.6. Trích lập các quỹ theo luật định:

Tình hình trích lập các quỹ của Công ty 03 năm gần đây:

Đơn vị: đồng

Nội dung trích lập	2012	2013	2014
Quỹ đầu tư phát triển	21.602.470.535	25.238.600.979	25.238.600.979
Quỹ dự phòng tài chính	8.689.097.916	9.747.533.473	9.747.533.473
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.169.001.482	3.984.351.482	3.792.001.482

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

10.7. Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2012, 31/12/2013 và 31/12/2014, tình hình số dư nợ của Công ty như sau:

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Vay và nợ ngắn hạn	607.028.121.825	474.539.536.442	441.806.438.919
NH VIB - CN Cầu Giấy	30.351.663.639		
HĐ vay 1420-LAV-201100170 ngày 19/10/2012	17.600.711.248		
HĐ vay 1420-LAV-201100170 ngày 07/07/2011	29.379.958.327		
VCB Sở giao dịch	70.744.342.126	53.324.709.133	39.842.723.052
BIDV - CN Hà Nội	34.300.000.000		10.300.000.000
NH MB- Chi nhánh Hoàn Kiếm	76.452.728.886	104.462.121.176	104.032.598.218
NH Agribank - CN Đông Hà Nội	82.254.379.034	114.586.247.969	90.012.620.620
NH TMCP Đầu tư VN - CN Hoàn Kiếm	27.000.000.000	28.349.300.962	10.120.000.000
Vay huy động từ CBCNV	55.649.497.911	89.424.054.393	106.030.542.082
NH TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long		28.877.520.723	37.551.407.501
NH TMCP Tiên Phong- CN Thăng Long	13.313.631.000	19.235.428.472	10.000.000.000
NH HD Bank		36.280.153.614	33.916.547.446
NH Đầu tư và Phát triển Campuchia	20.000.000.000		
NH Vietinbank - CN Hoàng Mai	149.981.209.654		
Tổng cộng	607.028.121.825	474.539.536.442	441.806.438.919

*(Nguồn: Thuyết minh Báo cáo tài chính các năm 2012, 2013 và 2014
- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)*

Vào năm 2012 Công ty có được một số hợp đồng vay bằng tiền USD, tuy nhiên sang năm 2013 và 2014 Công ty không thể vay được bằng đồng USD do Ngân hàng chỉ cho vay VNĐ mà không cho Công ty vay USD.

10.8. Tình hình công nợ hiện nay:**Các khoản phải thu**

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Phải thu của khách hàng	636.307.730.167	578.787.085.324	803.674.056.902
Trả trước cho người bán	43.215.685.293	60.305.450.384	63.209.016.030
Các khoản phải thu khác	413.594.102	89.079.805	116.888.392
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.499.060.153)	(9.479.060.153)	(11.282.351.103)
TỔNG CỘNG	670.437.949.409	629.702.555.360	855.717.610.221

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - CTCP Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Tổng các khoản phải thu sau khi giảm nhẹ vào giai đoạn 2012-2013 đã có xu hướng tăng mạnh trong giai đoạn 2013-2014, đạt mức tăng 35,89% tại thời điểm 31/12/2014 so với 31/12/2013. Nguyên nhân chủ yếu là do mức tăng tới 38,85% của khoản mục phải thu của khách hàng trong năm 2014 so với năm 2013. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi năm 2014 đã đạt (11.282.351.103) đồng. Tuy nhiên Công ty không hoàn toàn trích dự phòng đủ 100% với tất cả các khoản nợ. Dưới đây là bốn khoản Công ty đã trích dự phòng 100% (trích từ các năm trước và đến năm 2014 là trích đủ 100%) :

Đơn vị: đồng

Số thứ tự	Tên sản phẩm	Tên công ty	Tổng số tiền
1	Ống nước	Công ty TNHH Hoài Nam	446.930.339
2	Thép	Công ty CP kim khí Thăng Long	5.320.143.976
3	Văn phòng phẩm	Công ty TNHH TH Vi Khanh	2.600.000.000
4	Mất cắt khăn	Cá nhân	13.396.241.240

(Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Trong năm 2014, các khoản nợ phải thu có tuổi nợ cao còn khá nhiều, dưới đây là một số khoản nợ điển hình của Công ty từ năm 2010 trở về trước:

Đơn vị: đồng

Số thứ tự	Năm phát sinh	Tên công ty	Tổng số tiền
1	2005	Công ty TNHH TH Vi Khanh	446.930.339
2	2006	Nhà máy cao su Power	5.320.143.976
3	2010	Công ty TNHH GN và TM Cường Phát	2.600.000.000
4	2011	Công ty CP cao su Trường Sơn	13.396.241.240
5	2009	Công ty TNHH Phúc Quang Hồng Anh	10.143.659.811
6	2009	Công ty TNHH Hà Trung	8.569.418.600
7	2010	Công ty CP ĐT Hanpad	15.480.273.404
8	2010	Công ty TNHH Tân Sao Việt	2.109.862.940

(Nguồn: CTCP Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2012	31/12/2013	31/12/2014
Nợ ngắn hạn	846.263.537.545	776.251.349.530	858.768.867.782
Vay và nợ ngắn hạn	607.028.121.825	474.539.536.442	441.806.438.919
Phải trả người bán	92.604.287.193	156.721.206.826	250.799.534.863
Người mua trả tiền trước	83.457.830.825	87.755.979.834	87.482.616.759
Thuế và các khoản phải nộp NN	42.266.254.293	31.861.594.498	46.679.831.212
Phải trả người lao động	2.778.627.315	270.471.253	1.662.157.164
Chi phí phải trả	2.204.781.643	2.928.535.021	7.625.048.742
Các khoản phải trả phải nộp khác	12.754.632.969	18.189.674.174	18.921.238.641
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.169.001.482	3.984.351.482	3.792.001.482
Nợ dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG	846.263.537.545	776.251.349.530	858.768.867.782

(Nguồn: BCTC các năm 2012, 2013 và 2014 - CTCP Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

Nợ phải trả của Công ty trong giai đoạn 2012-2014 đều là các khoản nợ ngắn hạn, điều này chủ yếu là do đặc thù của doanh nghiệp xuất nhập khẩu phần lớn cần tiền ngắn hạn để đáp ứng ngay hoạt động kinh doanh. Cả giai đoạn 2012-2013 nợ ngắn hạn giảm 8,27% nhưng đã tăng lên 10,63% vào năm 2014. Xét theo chi tiết các khoản mục trong giai đoạn 2012-2013 thì sự sụt giảm nợ phải trả trong năm 2013 bắt nguồn chủ yếu từ sự giảm mạnh vay và nợ ngắn hạn. Trong khi các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác đều có xu hướng gia tăng. Sang năm 2014, khoản vay và nợ ngắn hạn vẫn tiếp tục giảm nhưng phải trả người bán tăng mạnh, tăng 60,03% so với năm 2013, khiến tổng nợ ngắn hạn đã tăng lên 10,6% so với năm 2013.

10.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	Đvt	2013	2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
1. Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,06	1,06	Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của Công ty khá ổn định trong giai đoạn 2013-2014, đứng ở mức an toàn lớn hơn 1. Tuy nhiên, hệ số thanh toán nhanh từ năm 2013 đứng ở mức không an toàn dưới 1, đã tăng lên lớn hơn 1 vào 2014.
2. Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,87	1,01	
2. Chỉ số về cơ cấu vốn				
1. Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	91,13%	91,79%	Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu rất cao với mức sử dụng nợ gấp 10 lần vốn chủ sở hữu trong cấu trúc nguồn vốn. Tỷ lệ nợ phải trả trên tài sản cũng khá cao ở mức trung bình khoảng trên 91%, cho thấy Công ty phụ thuộc rất lớn vào khoản vay để tài trợ cho tài sản, an toàn vốn của Công ty ở mức thấp.
2. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1027,22%	1118,65%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
1. Vòng quay hàng tồn kho	Lần	17,33	10,52	Vòng quay hàng tồn kho có dấu hiệu giảm mạnh trong giai đoạn 2013-2014. Điều này là do hàng tồn kho của Công ty đang giảm qua các năm trong khi doanh thu thuần giảm mạnh trong năm 2014. Doanh thu thuần trên tổng tài sản năm 2014 giảm chứng tỏ Công ty đang sử dụng tài sản kém hiệu quả so với năm trước.
2. Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	2,14	0,57	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
1. Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0,08%	0,23%	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu có xu hướng tăng trong giai đoạn 2013-2014. Tuy nhiên các chỉ tiêu còn lại đều sụt giảm. Nguyên nhân chủ yếu đến từ Chi phí lãi vay khá lớn hàng năm mà doanh thu thuần tạo được không tương ứng.
2. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	2,00%	1,56%	
3. Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,18%	0,13%	
4. Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,14%	-4,45%	
5. Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Lần	444,76	352,86	

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

11. Tài sản**11.1. Tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2014:**

TT	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	8.026.734.102	6.694.749.874	1.331.984.228	16,59%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	5.414.633.856	4.113.519.947	1.301.113.909	24,03%
2	Phương tiện vận tải	2.400.598.600	2.357.955.176	42.643.424	1,78%
3	TSCĐ hữu hình khác	211.501.646	223.274.751	-11.773.105	-5,57%
II	Tài sản cố định hữu hình CN Đồng Tháp	8.511.123.637	140.406.317	8.370.717.320	98,35%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	2.000.396.364	138.916.418	1.861.479.946	93,06%
2	Phương tiện vận tải	6.500.000.000	0	6.500.000.000	100,00%
3	TSCĐ hữu hình khác	10.727.273	1.489.899	9.237.374	86,11%
III	Tài sản cố định thuê tài chính	463.500.000	336.334.596	127.165.404	27,44%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	463.500.000	336.334.596	127.165.404	27,44%
II	Tài sản cố định vô hình	7.720.420.000	0	7.720.420.000	100%
1	Quyền sử dụng đất	7.720.420.000	-	7.720.420.000	100%
	Tổng cộng	24.721.777.739	7.171.490.787	17.550.286.952	70,99%

(Nguồn: BCTC tự lập năm 2014- Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

11.2. Tình hình sử dụng đất của Công ty:

Tình hình sử dụng đất của Công ty tại thời điểm 31/12/2014:

TT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Tình trạng pháp lý
A. Các lô đất thuê đất trả tiền hàng năm			
1	36 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Diện tích nhà thuê là 1.063,07m ² , diện tích đất sử dụng kèm theo diện tích nhà: 643,62m ²	- Hợp đồng thuê nhà đất số 196/XN3/HĐTN26/XD ký ngày 23/07/2009 giữa Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội và Công ty cổ phần XNK tạp phẩm. Thời hạn thuê: 05 năm kể từ ngày 01/01/2009 đến ngày 01/01/2014. Hiện tại công ty đã ký lại hợp đồng đến 01/01/2017.
B. Các Lô đất Công ty có quyền sử dụng lâu dài			
2	129 đường Cô Bắc, P.Cô Giang, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	224,5	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 764986 do UBND TP Hồ Chí Minh cấp ngày 24/01/2007. Ngày 26/06/2013 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng của UBND Quận 1 đã có thông báo thu hồi và hỗ trợ đền bù nhưng chưa thanh toán cho Công ty. Do vậy đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang sử dụng lô đất này.
3	Số 1168D, đường 3 tháng 2, P.12, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh	129,8	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 764971 do UBND TP Hồ Chí Minh cấp ngày 20/10/2006. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.
4	Nhà 96A Nguyễn Đức Cảnh, P.An Biên, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng	84	- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và sử dụng đất số 3102 CNSH do UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 09/12/1993. Giấy chứng nhận vẫn mang tên Công ty XNK tạp phẩm, do vướng mắc các thủ tục với UBND thành phố Hải Phòng nên Công ty chưa thực hiện đổi tên trên Giấy chứng nhận thành Công ty cổ phần XNK tạp phẩm.
5	Nhà 30 phố Trần Thành Ngọ, Q.Kiến An, Hải Phòng	494	- Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 1666/CNSH do UBND thị xã Kiến An cấp ngày 28/08/1994. Giấy chứng nhận vẫn mang tên Công ty XNK tạp phẩm, do vướng mắc các thủ tục với UBND thành phố Hải Phòng nên Công ty chưa thực hiện đổi tên trên Giấy chứng nhận thành Công ty cổ phần XNK tạp phẩm.

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm)

12. Kế hoạch lợi nhuận và chia cổ tức năm 2015 của Công ty:

Dựa trên tình hình thực tế 6 tháng đầu năm 2015, dự kiến năm 2015 doanh thu Công ty sẽ đạt 200 tỷ đồng và lỗ 25 tỷ đồng. Do phải trả lãi vay Ngân hàng các khoản vay cũ và chi phí thuê nhà đất quá lớn, Công ty ước tính sẽ phải chịu khoản lỗ đến 25 tỷ đồng trong năm

2015 này. Do đó Công ty không có kế hoạch chi trả cổ tức trong năm 2015.

13. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức có cổ phiếu được chào bán: (Không có)

14. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán:

Theo bản án số 09/2013/KDTM-ST ngày 22, 26/08/2013 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm thì Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm bị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Vĩnh Long kiện vì giao hàng sai thời gian cam kết trong hợp đồng, với tổng mức tiền phạt lên tới **80.501.183.000 đồng**. Ngoài ra Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm còn phải nộp mức án phí **188.501.000 đồng**.

15. Lý lịch Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng:**15.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:****❖ Ông Nguyễn Quốc Việt - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Nguyễn Quốc Việt
Ngày tháng năm sinh	12/02/1981
Số CMND	023460213
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	0 cổ phần
- Cá nhân	0 cổ phần
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

- Ông Cao Văn Thủy – Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

Họ và tên	Cao Văn Thủy
Ngày tháng năm sinh	05/08/1963
Số CMND	011539174
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	524.800 cổ phần (tương ứng 15,44%)
- Cá nhân	203.500 cổ phần(tương ứng 5,99%)

- Đại diện sở hữu vốn NN	321.300 cổ phần(tương ứng 9,45%)
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ **Ông Trương Hồng Hải – Thành viên HĐQT**

Họ và tên	Trương Hồng Hải
Ngày tháng năm sinh	05/04/1963
Số CMND	011645128
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	209.000 cổ phần (tương ứng 6,15%)
- Cá nhân	209.000 cổ phần(tương ứng 6,15%)
- Đại diện sở hữu vốn NN	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Đặng Sơn Nguyệt Thảo – Thành viên HĐQT

Họ và tên	Đặng Sơn Nguyệt Thảo
Ngày tháng năm sinh	05/02/1984
Số CMND	013266657
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Chuyên viên Ban quản lý đầu tư Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước
Số cổ phần nắm giữ	680.000 cổ phần (tương ứng 20%)
- Cá nhân	
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	680.000 cổ phần (tương ứng 20%)
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Trần Thị Thúy Lan – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	Trần Thị Thúy Lan
Ngày tháng năm sinh	14/07/1968
Số CMND	011416334
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không

Số cổ phần nắm giữ	61.600 cổ phần (tương ứng 1,81%)
- Cá nhân	61.600 cổ phần (tương ứng 1,81%)
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

15.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

❖ Ông Trương Quang Vinh - Trưởng Ban Kiểm soát

Họ và tên	Trương Quang Vinh
Ngày tháng năm sinh	17/01/1958
Số CMND	010969257
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	92.750 cổ phần (tương ứng 2,73%)
- Cá nhân	92.750 cổ phần (tương ứng 2,73%)
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Ông Đào Mạnh Kháng – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Đào Mạnh Kháng
Ngày tháng năm sinh	19/01/1969
Số CMND	012073456
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ kinh tế
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Geleximco; Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo hiểm hàng không; Thành viên HĐQT ngân hàng An Bình, Trưởng ban kiểm soát Công ty CP chứng khoán An Bình.
Số cổ phần nắm giữ	150.000 cổ phần (tương ứng 4,41%)
- Cá nhân	150.000 cổ phần (tương ứng 4,41%)
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

❖ Bà Dương Thị Quỳnh Mai – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Dương Thị Quỳnh Mai
Ngày tháng năm sinh	02/01/1960
Số CMND	001160000703
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế ngoại thương
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng

Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	16.150 cổ phần (tương ứng 0,48%)
- Cá nhân	16.150 cổ phần (tương ứng 0,48%)
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

15.3. Danh sách thành viên Ban Giám đốc:

❖ Ông Cao Văn Thủy – Tổng Giám đốc

Xem phần 14.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.

15.4. Kế toán trưởng:

❖ Bà Thái Thị Thanh Thủy – Kế toán trưởng

Họ và tên	Thái Thị Thanh Thủy
Ngày tháng năm sinh	24/4/1960
Số CMND	010262484
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ tại Tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ	64.400 cổ phần (tương ứng 1,89%)
Cá nhân	64.400 cổ phần (tương ứng 1,89%)
- Đại diện sở hữu vốn nhà nước	0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có	0 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao và các lợi ích khác	Không
Lợi ích liên quan với tổ chức phát hành	Không

Ghi chú: Vào ngày 22/06/2015 ông Nguyễn Quốc Việt và ông Đào Mạnh Kháng đã gửi đơn từ nhiệm lên Hội đồng quản trị. Hiện tại Hội đồng quản trị chưa bầu vị trí mới và hai ông hiện vẫn là thành viên Hội đồng quản trị.

VII. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
2. **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
3. **Tổng số cổ phiếu dự chào bán:** 1.001.300 cổ phiếu
4. **Giá khởi điểm:** 40.000 đồng/cổ phiếu
5. **Giá trị lô cổ phần chào bán:** 40.052.000.000 đồng
6. **Phương thức phân phối:**

Bán đấu giá công khai cả lô cổ phần ra công chúng qua Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Theo đó, nhà đầu tư phải đăng ký mua toàn bộ số cổ phần chào bán (1.001.300 đồng). Nhà đầu tư trả giá cao nhất sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần, trường hợp có từ 2 nhà đầu tư trở lên trả giá cao nhất bằng nhau thì sẽ lựa chọn nhà đầu tư được mua lô cổ phần theo Quy chế chào giá cạnh tranh do Sở GDCK Hà Nội ban hành.

7. **Thời gian phân phối cổ phiếu:** Theo quy chế đấu giá do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành, dự kiến trong Quý III/2015.

8. **Đăng ký mua cổ phiếu:**

Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành.

9. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:** Theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty.

Theo nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 áp dụng từ ngày 01/09/2015 của Thủ tướng chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam là không hạn chế tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty nếu Công ty không thuộc ngành nghề bị hạn chế tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài.

Hiện nay, không có cá nhân và tổ chức nước ngoài đang nắm giữ cổ phiếu công ty.

10. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:** Không có.

11. **Các loại thuế có liên quan:**

11.1 Thuế Giá trị gia tăng

Theo Thông tư số 129/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá trị gia tăng, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm đã thực hiện việc

trích nộp thuế Giá trị gia tăng theo quy định như sau:

- Đối với mặt hàng nhập khẩu là thức ăn chăn nuôi gia súc: Thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng với mức thuế suất 5%. Từ năm 2015, mặt hàng này sẽ được miễn thuế.
- Đối với các mặt hàng nhập khẩu khác và dịch vụ: Thuộc đối tượng chịu thuế Giá trị gia tăng với mức thuế suất 10%.

11.2 Thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Theo điều 11 của TT 78/2014/TT-BTC thì năm 2014, các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề không quá 20 tỷ đồng thì áp dụng mức thuế suất 20%, các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm trước liền kề trên 20 tỷ đồng thì áp dụng mức thuế suất 22%.

Vì vậy, mức thuế thu nhập áp dụng cho Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm sẽ là 22%.

11.3 Thuế Thu nhập của Nhà đầu tư

❖ Đối với nhà đầu tư cá nhân

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần, Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại tiết a điểm 2,2,2 mục II Phần B Thông tư 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNCN và cá nhân chuyển nhượng vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần, cuối năm cá nhân thực hiện quyết toán thuế, Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

✓ Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ Đối với nhà đầu tư tổ chức

✓ Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất

thuế TNDN là 25%.

✓ **Thu nhập từ cổ tức:** được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6, Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

16. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích của việc chào bán cổ phần của SCIC tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm nhằm cơ cấu danh mục đầu tư của SCIC.

17. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84) 4 3824 1990

Fax: (84) 4 3825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 1, Toà nhà VCCI, số 9 Đào Duy Anh, Hà Nội

Điện thoại: (84-04) 3573 0073

Fax: (84-04) 3573 0088

Website: www.ivs.com.vn

18. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY

Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm chịu trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ và cần thiết để người đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng của Công ty.


Các nhà đầu tư nên tham khảo Bản công bố thông tin và Quy chế đấu giá trước khi quyết định đăng ký tham dự đấu giá. Các nhà đầu tư tham dự đấu giá có trách nhiệm tìm hiểu, đánh giá các thông tin về doanh nghiệp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước không có trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tạp phẩm cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015


**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH
VỐN NHÀ NƯỚC**




Ông: Nguyễn Hồng Hiến
Phó Tổng Giám đốc


**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
TẠP PHẨM**




Ông: Cao Văn Thủy
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
ĐẦU TƯ VIỆT NAM**




Ông: Đoàn Ngọc Hoàn
Tổng Giám đốc